

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THU NHẬP CỦA PHỤ NỮ NGHÈO NGHIÊN CỨU TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI QUẬN BÌNH TÂN, TP. HỒ CHÍ MINH

ĐỖ PHÚ TRẦN TÌNH* & TÔ LÝ DIỄM TRÚC**

Vấn đề giảm nghèo là một trong những mục tiêu quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Các minh chứng thực tế cho thấy phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong quá trình giảm nghèo. Nghiên cứu chương trình tín dụng của ngân hàng chính sách dành cho phụ nữ nghèo tại quận Tân Bình, TP.HCM cho thấy thu nhập của phụ nữ sau khi vay vốn chịu sự tác động của các nhân tố: Số người phụ thuộc trong gia đình, thu nhập trước khi vay vốn, số năm đi học, đào tạo nghề và số tiền vay. Trong đó, yếu tố tác động lớn nhất là thu nhập trước khi vay, còn yếu tố số tiền vay tác động rất ít.

Từ khóa: Phụ nữ nghèo, tín dụng, thu nhập, ngân hàng chính sách xã hội.

1. Giới thiệu

Người phụ nữ đóng một vai trò rất quan trọng để giúp gia đình họ thoát nghèo. Liệu việc cho vay ưu đãi đối với đối tượng này có thật sự giúp họ thoát nghèo bền vững hay không? Bài viết tập trung phân tích yếu tố có tác động đến thu nhập sau khi vay vốn của phụ nữ nghèo thông qua chương trình tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) quận Bình Tân, TP. HCM. Từ đó làm cơ sở đề xuất việc xây dựng và triển khai các chương trình tín dụng dành cho người nghèo nói chung và phụ nữ nghèo nói riêng trong thời gian tới có hiệu quả hơn.

2. Khung lý thuyết phân tích

Theo Michael Todaro, đặc trưng của người nghèo là mức sống thấp và mức sống này có liên quan mật thiết đến mức thu nhập thấp của họ. Mức sống thấp biểu hiện qua ba khía cạnh chính là thiếu các mặt hàng thiết yếu cho cuộc sống, thiếu hoặc không có các dịch vụ giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội khác. Mức sống thấp của người nghèo vừa là kết quả

cũng vừa là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo dai dẳng mà bản thân người nghèo khó có thể tự thoát ra. Đây cũng chính là vòng luẩn quẩn của nghèo đói phổ biến: thu nhập thấp dẫn đến mức sống thấp, mức sống thấp dẫn tới cơ hội giáo dục hạn chế, sức khỏe và dinh dưỡng kém, tiết kiệm ít, mức đầu tư thấp hoặc không có, những vấn đề này lại tạo ra năng suất lao động thấp, thái độ làm việc thiếu tích cực, khả năng thất nghiệp cao và sinh đẻ nhiều, từ đó tiếp tục lại dẫn đến mức thu nhập thấp và vòng luẩn quẩn này cứ thế tiếp tục.

Theo nhà kinh tế học Nhật Harry T. Oshima, một trong những giải pháp quan trọng giúp các hộ nghèo thoát nghèo là giúp họ tiếp cận được vốn để sản xuất. Do đó, Nhà nước cần phải quan tâm đến hoạt động của các tổ chức tín dụng nông thôn. Nếu tổ chức tín dụng nông thôn hoạt động hiệu quả, người dân tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng này sẽ giúp họ đa dạng hóa trong sản xuất, tận dụng được thời gian lao động nhàn rỗi lúc nông nhàn, có thêm việc làm, tăng thu nhập và cải thiện cuộc sống.

Tại VN, các báo cáo nghiên cứu về nghèo đói cho thấy đa số người nghèo tập trung ở khu vực nông thôn. Người nghèo thường không có hoặc có rất ít tài sản, vốn sản xuất cũng như kinh nghiệm làm ăn. Không có tay nghề hoặc tay nghề thấp, không có việc làm hoặc việc làm bấp bênh không ổn định, nợ nần nhiều cũng là những đặc điểm rõ nét của họ. Người nghèo VN là đối tượng rất dễ bị tổn thương bởi các vấn đề như bệnh tật, tai nạn; mất mùa, hạn hán, bão lũ; giá cả nông sản không ổn định; việc làm không ổn định... Đặc tính dễ bị tổn thương này thể hiện rõ nét hơn ở đối tượng là hộ nghèo có chủ hộ là phụ nữ.

Muốn giúp người nghèo thoát nghèo, điều trước tiên cần thực hiện là giúp họ nâng cao mức thu nhập của mình. Đặc trưng của người nghèo là trình độ học vấn thấp, tay nghề thấp, việc làm không ổn định. Các nghiên cứu về nghèo đói cho thấy thu nhập thực tế của người nghèo rất thấp và không ổn định. Thu nhập này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như trình độ học vấn, trình độ chuyên môn/tay nghề, tuổi tác, vốn... Vì vậy, để giảm nghèo hiệu quả cần tạo thêm các việc làm mới phù hợp với người nghèo để họ có thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống. Một trong những phương cách tạo việc làm mới phổ biến cho người nghèo hiện nay là cho họ vay vốn với quy mô nhỏ để họ tự tạo việc làm phù hợp với bản thân.

Todaro (1998) cho rằng điều quan trọng về nghèo đói ở các nước đang phát triển là nó tác động đến một số lớn phụ nữ. Ở hầu hết các nước, số phụ nữ có mức thu nhập thấp nhiều hơn nam giới và ngày càng nhiều tình trạng nghèo đói rơi vào những gia đình do phụ nữ là chủ hộ. Nhìn chung, những hộ gia đình do phụ nữ làm chủ nằm trong số các nhóm nghèo nhất trong xã hội. Nguyên nhân chính của tình trạng nghèo liên quan trực tiếp tới địa vị và vai trò của phụ nữ trong xã hội. Phụ nữ thường phải đảm nhận các công việc trong nhà và các công việc tự trả công khác. Điều này làm hạn chế khả năng kiếm thêm thu nhập của họ so với nam giới. Phụ nữ cũng thường ít được học hành hơn, ít có cơ hội kiếm việc làm hơn và được trả lương thấp hơn nam giới. Hơn nữa, ở một số nước, phụ nữ ít có quyền được chia đất, vốn và công nghệ, và sự thiếu thốn này làm giảm đáng kể hiệu quả sản xuất của họ, cả ở nhà lẫn ở bên ngoài. Vì vậy, các chính sách nhằm xóa bỏ nghèo

đói tuyệt đối muốn đạt được thành công thì cần tập trung nhiều hơn vào đối tượng là phụ nữ nghèo bằng “những nỗ lực để cải thiện địa vị của người phụ nữ”, bao gồm việc đảm bảo điều kiện giáo dục và cơ hội tìm việc làm cũng như cải thiện khả năng có được các nhân tố sản xuất chủ yếu như vốn, đất đai, công nghệ...

Tại VN, trong Báo cáo “*Toàn cầu hóa, vấn đề giới và việc làm trong nền kinh tế chuyển đổi: trường hợp VN*” (2006) do UNDP chủ trì nghiên cứu đã nhận định: Quan hệ giới ở VN không có sự bất bình đẳng quá lớn về các khía cạnh tuổi thọ, sức khỏe, dinh dưỡng, việc làm và tự do đi lại như thường thấy ở một số nơi khác trong thế giới đang phát triển. Tuy nhiên, sự bất cân đối về giới trong phân bổ vai trò và trách nhiệm thực sự làm gia tăng bất bình đẳng ở một số khía cạnh. Quan trọng nhất, phụ nữ VN phải đảm nhận phần rất lớn việc nhà và chăm sóc con so với nam giới. Chính áp lực về công việc nhà đã hạn chế thời gian họ có thể dành cho các hoạt động sản xuất khác, phạm vi lựa chọn công việc của họ cũng như mức thu nhập mà họ nhận được từ lao động. Những hạn chế trong lựa chọn kinh tế này dẫn đến việc những hộ gia đình có chủ hộ là nữ dễ rơi vào tình trạng nghèo hơn so với các hộ gia đình khác.

Như vậy, trong lĩnh vực giảm nghèo, việc chú trọng nhiều hơn vào các đối tượng là phụ nữ nghèo là điều cần thiết. Nếu nhận được hỗ trợ ban đầu về vốn thì phụ nữ có khả năng thoát nghèo nhanh và hiệu quả hơn nam giới do họ có khả năng tích lũy, tiết kiệm nhiều hơn và làm kinh tế ở quy mô hộ gia đình tốt hơn. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả của chương trình giảm nghèo cho phụ nữ bao gồm: vấn đề cải thiện thu nhập của phụ nữ nghèo sau khi vay vốn; khả năng tạo việc làm và việc làm mới sau khi vay vốn; chất lượng cuộc sống được cải thiện sau khi vay vốn; mức độ hoàn thành các nghĩa vụ tài chính sau khi vay...

3. Phương pháp nghiên cứu và nguồn số liệu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để phân tích. Trong đó, phân tích định tính thông qua việc phân tích hiện trạng vấn đề

nghèo, nguyên nhân nghèo và phân tích tình hình, cũng như tác động của việc vay vốn của phụ nữ nghèo ở NHCSXH quận Bình Tân, TP. HCM. Phương pháp định lượng được thực hiện thông qua việc áp dụng các mô hình hồi quy tương quan kinh tế lượng để đánh giá tác động của các nhân tố đến triển vọng thoát nghèo của phụ nữ tham gia vay vốn, kiểm định độ tin cậy của các kết quả phân tích.

3.2. Nguồn dữ liệu

Số liệu thứ cấp chủ yếu dựa vào: Kết quả điều tra hiện trạng nghèo ở VN và TP.HCM giai đoạn 2004-2010 của Tổng cục Thống kê và các tổ chức quốc tế; số liệu về tình hình vay vốn của phụ nữ nghèo do NHCSXH quận Bình Tân cung cấp. Bên cạnh đó, tác giả còn thu thập nguồn số liệu sơ cấp thông qua việc khảo sát trực tiếp các mẫu điều tra được lấy ngẫu nhiên từ danh sách khách hàng của chương trình tín dụng dành cho phụ nữ nghèo tại NHCSXH quận Bình Tân. Tiến hành thu thập dữ liệu cần thiết thông qua bảng câu hỏi, xử lý và làm sạch dữ liệu thu thập được bằng phần mềm SPSS.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Khái quát về chương trình tín dụng dành cho phụ nữ nghèo tại NHCSXH quận Bình Tân TP.HCM.

Quận Bình Tân là đô thị mới được thành lập bao gồm 10 phường theo nghị định 130/NĐ-CP ngày 05/11/2003 của Chính phủ. Tính đến hết ngày 30/12/2011, dân số quận Bình Tân lên tới khoảng 620.000 người. Với đặc thù là một quận mới phát triển đi lên từ nông nghiệp, số dân nhập cư rất đông nên tình trạng có hộ nghèo và cận nghèo ở địa phương vẫn còn khá phổ biến. Tính đến cuối năm 2011, số hộ nghèo trên địa bàn quận còn 3.287 hộ với 15.285 nhân khẩu (chiếm tỉ lệ 2,07% tổng dân số).

Hiện nay, NHCSXH có 19 chương trình cho vay được phân chia theo từng đối tượng và mục đích vay vốn cụ thể. Trong đó, có những chương trình cho vay được xã hội đánh giá cao đã và đang mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng như: Chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; chương trình cho vay cơ sở sản xuất kinh doanh của thương binh, người tàn tật, cho vay thương binh, người tàn tật; chương trình cho vay người lao động

thuộc các hộ nghèo và người dân tộc thiểu số thuộc 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ ngày 27/12/2008...

Chương trình tín dụng dành cho phụ nữ nghèo là một bộ phận của chương trình cho vay hộ nghèo thiếu vốn sản xuất kinh doanh của NHCSXH. Tại NHCSXH quận Bình Tân, chương trình tín dụng dành cho phụ nữ nghèo là chương trình chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ từ năm 2009 đến tháng 3 năm 2012. Đối tượng cho vay của chương trình là những phụ nữ nghèo đang sinh sống trên địa bàn cần vốn để làm kinh tế nhỏ ở quy mô hộ gia đình. Quy trình và phương thức vay vốn ở NHCSXH quận Bình Tân tương tự như trên toàn hệ thống NHCSXH.

Bảng 1. Dư nợ cho vay và số hộ vay vốn chương trình tín dụng dành cho phụ nữ nghèo NHCSXH quận Bình Tân, TP. HCM

Năm	2009	2010	2011	Hết tháng 3/2012
Dư nợ cho vay (tỉ đồng)	39,369	47,971	52,283	52,038
Số hộ vay vốn (hộ gia đình)	4.109	4.938	5.238	5.140

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động NHCSXH quận Bình Tân, TP. HCM.

Bảng 1 cho thấy dư nợ và số hộ vay vốn của chương trình tăng đều qua các năm. Tính đến ngày 31/12/2011, dư nợ cho vay dành cho phụ nữ nghèo chiếm 44,45% tổng dư nợ của toàn ngân hàng. Tỉ lệ nợ xấu là 1,7% tổng dư nợ, thấp hơn nhiều so với tỉ lệ nợ xấu chung của toàn ngân hàng (2,38%). Giá trị mỗi khoản vay dao động từ 5 đến 30 triệu đồng một hộ. Nhìn chung trên sổ sách thì đây là một kết quả rất khả quan đối với một chương trình tín dụng dành cho hộ nghèo vì có số lượng người vay cũng như tăng trưởng tín dụng khá cao, chất lượng tín dụng đạt tiêu chí có tỉ lệ nợ xấu thấp thể hiện khả năng hoàn trả vốn gốc và lãi của người vay cao, hoạt động cho vay có hiệu quả.

4.2. Mô hình ước lượng và thảo luận kết quả mô hình

4.2.1. Mô tả số liệu điều tra

Mẫu khảo sát gồm 200 phụ nữ được lấy ngẫu nhiên từ danh sách khách hàng gồm hơn 5.000 phụ nữ đã tham gia chương trình tín dụng dành cho hộ nghèo tại NHCSXH quận Bình Tân, TP. HCM (danh sách do ngân hàng cung cấp). Khảo sát được thực hiện trực tiếp tại nơi cư trú của người vay (địa chỉ đính kèm trên danh sách) với phương pháp phỏng vấn bằng bảng câu hỏi. Khảo sát trên đã cho thấy một số kết quả quan trọng như sau:

Thứ nhất, về mặt số lượng, trong danh sách khảo sát ban đầu gồm 200 mẫu thì có tới 34 mẫu có địa chỉ trùng nhau (17%), tức là trong cùng một địa chỉ cư trú có 2 hoặc 3 người cùng vay vốn, cá biệt có trường hợp có đến 6 người ở cùng một địa chỉ có tên trong danh sách vay vốn nhưng khi tiếp cận thực tế thì chủ hộ cho biết trong hộ chỉ có 1 người vay vốn từ NHCSXH. Thêm vào đó, có đến 125 địa chỉ (tỉ lệ 62,5%) là không tồn tại hoặc chủ hộ cho biết là chưa từng vay vốn của NHCSXH. Kết thúc danh sách 200 hộ ban đầu, tác giả chỉ tìm thấy 41 hộ đã thực sự tham gia chương trình cấp tín dụng dành cho phụ nữ nghèo của NHCSXH quận Bình Tân, TP.HCM. Mở rộng danh sách khảo sát thêm 45 hộ nữa thì tác giả mới tìm được thêm 9 hộ đã từng vay vốn từ NHCSXH để đáp ứng đủ kích cỡ mẫu tối thiểu (50 mẫu) cho phần nghiên cứu mô hình hồi quy. Như vậy, chỉ có tổng cộng 50/245 hộ (tỉ lệ 20,04%) có tên trong danh sách do ngân hàng cung cấp là thực sự tham gia vào chương trình cấp tín dụng dành cho phụ nữ nghèo. Hơn nữa, ở nhiều hộ, số tiền vay thực tế khác với số tiền vay trên sổ sách, có hộ chỉ vay 7 triệu nhưng trên hồ sơ lưu lại ghi là 10 triệu

Thứ hai, về đặc trưng của phụ nữ nghèo đã tham gia vay vốn thông qua mẫu khảo sát:

Về tuổi tác, các phụ nữ trong mẫu khảo sát có độ tuổi trung bình là 45,42 tuổi, trong đó độ tuổi từ 30-50 chiếm tỉ lệ cao nhất (66%), độ tuổi trên 50 (32%), còn lại là phụ nữ dưới 30 tuổi (1%).

Về trình độ học vấn, số phụ nữ có trình độ trung học cơ sở chiếm tỉ lệ cao nhất (48%), thứ hai là nhóm phụ nữ có trình độ tiểu học (28%), thứ ba là nhóm phụ nữ có trình độ trung học phổ thông (22%), rất ít phụ nữ có trình độ cao đẳng hay đại học (2%).

Về nghề nghiệp, phụ nữ được khảo sát tham gia 3 nhóm nghề chủ yếu là buôn bán, công nhân và nội trợ trong gia đình. Trong đó, nhóm nghề buôn bán chiếm tỉ trọng cao nhất (56%), nhóm nghề công nhân và nội trợ chiếm tỉ trọng như nhau (10% cho mỗi nhóm), còn lại là những nghề khác như thợ may, làm nhang...

Về số người phụ thuộc trong gia đình, 48% số quan sát cho biết họ có dưới 2 người phụ thuộc, 42% có 3-4 người, 10% còn lại có trên 4 người phụ thuộc. Người phụ thuộc ở đây là con cái dưới 18 tuổi hoặc người thân không lao động đang được nuôi dưỡng trong gia đình.

Về thu nhập, kết quả khảo sát cho thấy thu nhập trung bình của các quan sát trước khi tham gia vay vốn là 2,8 triệu đồng/người/tháng (33,6 triệu đồng/người/năm).

Về việc làm, đây là một vấn đề có quan hệ mật thiết đến thu nhập. Số liệu cho thấy 66% số phụ nữ trước khi vay có việc làm thường xuyên, 20% có việc làm không ổn định và 14% không có việc làm tạo ra thu nhập.

Như vậy, kết quả khảo sát thực tế bước đầu đã cho thấy những bất cập rất đáng lo ngại trong chương trình tín dụng dành cho phụ nữ nghèo tại NHCSXH quận Bình Tân, TP.HCM. Chưa bàn đến tác động thực sự của những khoản vay này đối với phụ nữ nghèo, chỉ những chênh lệch rất lớn nêu trên giữa báo cáo và tình hình thực tế đã đủ để đặt ra nghi vấn về tính minh bạch và hiệu quả của chương trình, đặc biệt ở khâu thẩm định và quản lí hồ sơ người đi vay của ngân hàng.

4.2.2. Mô hình ước lượng và thảo luận kết quả

Để hiểu rõ các yếu tố có tác động đến mức thu nhập sau khi vay vốn của phụ nữ, tác giả xây dựng một mô hình hồi quy kinh tế lượng về các yếu tố tác động đến thu nhập sau khi vay vốn của phụ nữ nghèo. Mô hình 1 có dạng như sau:

$$TNHAP2 = B_0.TUOI + B_1.NAMHOC + B_2.NGUOIPT + B_3.GD1 + B_4.GD2 + B_5.STVAY$$

Trong đó: Biến phụ thuộc là TNHAP2: thu nhập trung bình hàng tháng sau khi vay vốn (triệu đồng); còn các biến độc lập được cho như Bảng 2.

Bảng 2. Các biến độc lập của mô hình 1

Tên biến	Ý nghĩa	Đơn vị	Kì vọng
TUOI	Tuổi của người vay vốn	Năm	Dấu (-), tuổi càng trẻ chứng tỏ càng có sức lao động và chịu khó tìm tòi, thử cái mới nên có mức thu nhập cao hơn
NAMHOC	Số năm người vay được đi học và được đào tạo nghề	Năm	Dấu (+), số năm đi học càng cao chứng tỏ càng có kiến thức và hiểu biết để làm ăn làm tăng thu nhập
NGUOIPT	Số người phụ thuộc trong gia đình	Người	Dấu (-), số người phụ thuộc càng cao thì càng hạn chế khả năng làm việc của phụ nữ dẫn đến giảm thu nhập
GD1	Mức độ giúp đỡ của người thân trong việc làm tạo ra từ khoản vay	1 → 5 theo thang đo Likert	Dấu (+), mức độ giúp đỡ càng nhiều thì thu nhập tạo ra từ việc làm càng cao
GD2	Mức độ giúp đỡ của NHCSXH, đoàn thể trong việc làm tạo ra từ khoản vay	1 → 5 theo thang đo Likert	Dấu (+), mức độ giúp đỡ càng nhiều thì thu nhập tạo ra từ việc làm càng cao
STVAY	Số tiền vay	Triệu đồng	Dấu (+), số tiền vay càng lớn thì khả năng tạo việc làm có thu nhập cao càng cao.

Bảng 3. Kết quả hồi quy của Mô hình 1

Mô hình 1	Hệ số chưa được chuẩn hóa		Hệ số được chuẩn hóa	Giá trị t	Giá trị Sig.
	B	Sai số chuẩn	β		
Hằng số	-1,625	1,667		-0,975	0,335
NAMHOC	0,154	0,095	0,226	1,623	0,112
NGUOIPT	0,091	0,297	0,040	0,306	0,761
GD1	0,636	0,291	0,287	2,187	0,034
STVAY	0,210	0,103	0,266	2,028	0,048

Phân tích tương quan bằng SPSS cho biết biến TUOI và biến GD2 có tương quan rất thấp với biến TNHAP2. Vì vậy, mô hình hồi quy được thiết lập chỉ với 4 biến độc lập là NAMHOC, NGUOIPT, GD1, STVAY. Kết quả mô hình thu được như Bảng 3.

Mô hình này có độ phù hợp R^2 rất thấp (0,291) nên mức giải thích của các biến trong mô hình cho sự gia tăng thu nhập sau khi vay vốn là không đáng kể. Mặc dù toàn mô hình có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 0,01 (kiểm định F có giá trị Sig. đạt 0,003). Vì vậy, rất có thể một biến quan trọng đã bị bỏ sót và dạng mô hình được chọn chưa phù hợp.

Do những vấn đề trên của Mô hình 1, tác giả đã xây dựng được Mô hình 2. Mô hình này gồm các biến của Mô hình 1 là NAMHOC, NGUOIPT. Biến STVAY được chuyển thành biến STVAYBP (số tiền vay bình phương). Ngoài ra còn được thêm vào 1 biến mới là TNHAP1 (thu nhập trung bình/tháng trước khi vay vốn, đơn vị: triệu đồng). Kết quả xử lý Mô hình 2 có dạng như sau:

Bảng 4. Kết quả hồi quy của Mô hình 2

Mô hình 2	Hệ số chưa được chuẩn hóa		Hệ số được chuẩn hóa	Giá trị t	Giá trị Sig.
	B	Sai số chuẩn	β		
Hằng số	-0,906	0,557		-1,627	0,111
NGUOIPT	0,364	0,119	0,160	3,070	0,004
TNHAP1	1,125	0,068	0,887	16,467	0,000
NAMHOC	0,071	0,037	0,104	1,887	0,066
STVAYBP	0,004	0,002	0,111	2,108	0,041

Mô hình 2 có độ phù hợp R^2 rất cao (0,887) chứng tỏ các biến trong mô hình có thể giải thích được 88,7% các biến động của thu nhập sau khi vay vốn. Toàn bộ mô hình cũng như các biến độc lập đều có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 0,1. Như vậy, đây là mô hình tương đối tốt để phản ánh các yếu tố có tác động đến mức thu nhập của phụ nữ nghèo sau khi vay vốn. Mô hình cụ thể như sau:

$$\text{TNHAP2} = -0,906 + 0,364 \text{ NGUOIPT} + 1,125 \text{ TNHAP1} + 0,071 \text{ NAMHOC} + 0,004 \text{ STVAYBP}$$

Từ mô hình này cho ta có thể rút ra các nhận xét quan trọng như sau:

Một là, mức thu nhập sau khi vay vốn tỉ lệ thuận với số người phụ thuộc trong gia đình, thu nhập trước khi vay vốn, số năm đi học và đào tạo nghề và số tiền vay. Các yếu tố thu nhập trước khi vay vốn, số năm đi học và đào tạo nghề và số tiền vay có kết quả tương tự như kì vọng vì các yếu tố này đều tác động tích cực đến thu nhập. Tuy nhiên, yếu tố số người phụ thuộc trong gia đình lại trái với kì vọng. Số người phụ thuộc trong gia đình càng nhiều thì thu nhập càng tăng. Có thể lí giải cho vấn đề này là do đối với những công việc như buôn bán nhỏ, làm nhang hay làm hàng gia công tại nhà của đa số phụ nữ nghèo, có nhiều người phụ thuộc cũng đồng nghĩa với có nhiều người phụ giúp làm việc, góp phần làm tăng thu nhập. Đồng thời cũng không loại trừ khả năng việc có nhiều người phụ thuộc làm người phụ nữ này sinh tâm lí phải làm việc nhiều hơn để lo cho gia đình.

Hai là, trong các yếu tố có tác động đến mức thu nhập của phụ nữ nghèo sau khi vay vốn, yếu tố đóng

vai trò quan trọng nhất là thu nhập của họ trước khi vay. Điều này khẳng định vấn đề một người khi đã có sẵn mức thu nhập tương đối thì sẽ càng có khả năng tạo ra mức thu nhập sau khi vay vốn cao hơn. Ngược lại, một phụ nữ đã có thu nhập thấp từ trước thì mức thu nhập sau khi vay vốn mặc dù có cải thiện nhưng vẫn không thể cải thiện ở mức quá lớn so với thu nhập trước đây của họ.

Ba là, yếu tố duy nhất trong việc cấp tín dụng là số tiền vay lại là yếu tố có tác động ít nhất trong mô hình đến thu nhập sau khi vay vốn. Mặc dù biến STVAYBP cho thấy tác động của số tiền vay tăng dần theo giá trị khoản vay, tuy nhiên tác động này vẫn là thấp so với các biến khác. Điều này đúng với lí luận cho rằng khoản vay chỉ có vai trò như là một sự khởi đầu cho việc làm ăn, còn thu nhập về sau phụ thuộc chủ yếu vào năng lực cá nhân và phương cách người nghèo sử dụng vốn vay. Đừng lầm tưởng rằng vốn vay là có ý nghĩa quan trọng nhất trong chương trình cấp tín dụng cho người nghèo. Nhận xét này có hàm ý rằng để giúp người nghèo thoát nghèo, hãy chú trọng nhiều hơn vào việc cải thiện năng lực và hướng dẫn phương cách làm ăn thay vì cho họ tiền để họ tự xoay sở, “hãy cho cày câu thay vì cho con cá”.

4.2.3. Tác động của chương trình tín dụng dành cho phụ nữ nghèo tại NHCSXH quận Bình Tân, TP.HCM thời gian qua

Thứ nhất, tác động kinh tế đến triển vọng thoát nghèo của phụ nữ tham gia vay vốn.

Mục đích vay vốn chủ yếu của các phụ nữ trong khảo sát là làm vốn để bắt đầu việc buôn bán nhỏ tại

nhà hoặc mở rộng công việc buôn bán sẵn có từ trước. Mục đích này chiếm 54% số quan sát. Đứng thứ hai sau buôn bán là vay vốn (32%) để mua thiết bị sản xuất nhỏ tại nhà như dụng cụ làm nhang, máy may, máy vắt sổ, máy giặt... Có thể nói đây là những mục đích vay vốn tương đối tốt vì có thể tạo thêm việc làm cho phụ nữ mà không đòi hỏi trình độ hoặc kỹ thuật quá cao. Tuy nhiên, vẫn có 14% số người được hỏi nói rằng họ vay vốn để tiêu dùng hoặc sửa chữa nhà cửa hoặc với mục đích khác. Đây là những mục đích sử dụng vốn không đúng với mục tiêu ban đầu của khoản vay vì chúng không thể tạo việc làm và thu nhập cho phụ nữ sau khi vay vốn. Khảo sát cũng cho thấy số tiền vay trung bình của mỗi hộ là 10,52 triệu đồng, trong đó mức vay thấp nhất là 5 triệu và cao nhất là 20 triệu đồng.

Về việc làm và thu nhập sau khi vay vốn, kết quả khảo sát cho thấy có một sự cải thiện rõ rệt đối với hầu hết các phụ nữ đã tham gia vay vốn. Sau khi vay vốn, có đến 82% số phụ nữ cho biết họ đã có việc làm thường xuyên, cao hơn hẳn so với 66% số phụ nữ có việc làm thường xuyên trước khi vay vốn. 12% số phụ nữ có việc làm nhưng không ổn định như làm hàng gia công, chỉ có 6% số phụ nữ là chưa có việc làm. Thu nhập trung bình của phụ nữ sau khi vay vốn cũng tăng lên rõ rệt, với trung bình hàng tháng là 4,32 triệu đồng (so với mức cũ là 2,8 triệu đồng). Đáng chú ý là nhóm phụ nữ có việc làm thường xuyên có mức thu nhập tăng rất cao, đạt 4,79 triệu đồng/tháng. Trong khi đó, những phụ nữ góa chồng lại có mức thu nhập sau vay vốn khá thấp với trung bình chỉ có 2,7 triệu đồng/tháng.

Nhìn chung, các yếu tố liên quan trực tiếp đến tình trạng kinh tế của người vay như việc làm và thu nhập đều có những thay đổi tích cực. Nhiều phụ nữ từ không có việc làm đã tạo ra được việc làm từ vốn vay và làm gia tăng thu nhập đáng kể cho gia đình. Điều này phù hợp với phân lý luận về tác động kinh tế của tín dụng đối với việc cải thiện thu nhập và thoát nghèo của người vay vốn.

Thứ hai, tác động tâm lý xã hội của việc vay vốn đến triển vọng thoát nghèo của phụ nữ tham gia vay vốn.

Tác động tâm lý - xã hội của việc cấp vốn cho phụ nữ nghèo chủ yếu đến từ việc gia tăng cơ hội tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội ở địa

phương do khoản vay mang lại. Theo quy định, phụ nữ nghèo trước khi được vay vốn phải tham gia một nhóm gồm những người cùng vay sống gần nhau gọi là Tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ này sẽ thực hiện bình xét việc hộ nào được vay, góp phần quản lý việc sử dụng vốn vay của thành viên trong tổ, thu tiền lãi và tiền gốc hàng tháng thay cho NHCSXH. Đây cũng là nơi để các hộ vay vốn chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm làm ăn và giúp đỡ lẫn nhau. Điều này có thể giúp người nghèo, đặc biệt là phụ nữ nghèo có cơ hội tham gia hoạt động cộng đồng, cải thiện hiểu biết cũng như địa vị của họ và tạo tác động tâm lý tích cực giúp người nghèo thoát nghèo nhanh và bền vững hơn. Tuy nhiên, khảo sát thực tế lại cho thấy mức độ tham gia hoạt động đoàn thể tại địa phương của người vay không thay đổi đáng kể sau khi vay vốn. Chỉ có 32% số phụ nữ trả lời họ tham gia thường xuyên, không đổi so với mức trước vay. Hơn nữa, phần lớn trong số 32% này là những phụ nữ đã tham gia hoạt động đoàn thể từ trước vì họ là tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố, có tới 74% số người được hỏi cho biết họ không nhận được bất kỳ sự giúp đỡ nào từ NHCSXH, đoàn thể địa phương hay Tổ tiết kiệm và vay vốn trong suốt quá trình vay vốn. 16% cho biết sự quan tâm giúp đỡ chỉ ở mức là ít và 10% còn lại nhận được sự giúp đỡ bình thường. Không có quan sát nào nhận được sự giúp đỡ ở mức nhiều hay rất nhiều. Những điều này có thể gây hạn chế rất lớn các tác động tâm lý tích cực mà đáng lẽ khoản vay có thể mang lại cho người vay. NHCSXH dường như chỉ quan tâm đến khâu cho vay và khâu trả nợ vay của khách hàng, còn các hoạt động khác kèm theo như tư vấn, giúp đỡ phương án sản xuất, kinh doanh, theo dõi việc sử dụng vốn vay thì đang bị xem nhẹ. Vì vậy, có một số người tham gia vay vốn cho rằng thật ra họ chưa hẳn là nghèo, chấp nhận vay vốn NHCSXH đơn giản là vì chỗ nào rẻ thì vay. Rõ ràng, mục tiêu và ý nghĩa của toàn bộ chương trình trong trường hợp này là không thực hiện được. Như vậy, kết quả khảo sát đã cho thấy tác động tâm lý - xã hội của việc cấp vốn đối với triển vọng thoát nghèo của phụ nữ trong chương trình cho vay này là không đáng kể vì họ nhận được quá ít sự quan tâm và giúp đỡ của các đối tượng hữu quan.

5. Kết luận và gợi ý chính sách

Thứ nhất, thay vì đánh giá hiệu quả của chương trình dựa trên số dư nợ của mỗi hộ tham gia vay vốn thì nên thay bằng các chỉ tiêu liên quan đến quá trình sử dụng vốn vay như việc làm mới, thu nhập được tạo ra từ khoản vay. Những chỉ tiêu này sẽ phản ánh chính xác hơn tác động thực sự của chương trình đối với thu nhập và triển vọng thoát nghèo của người tham gia.

Thứ hai, năng lực cá nhân có vai trò quan trọng trong việc thoát nghèo, vì vậy đầu tư để nâng cao năng lực này là hết sức cần thiết. Cần có biện pháp cải thiện năng lực cá nhân cho phụ nữ nghèo bằng nhiều cách khác nhau như tổ chức những lớp học ngắn ngày về cách thức sử dụng vốn, làm kinh tế gia đình, quản lý tài chính; cấp kinh phí để họ tham gia những khóa đào tạo nghề ngắn hạn tại các cơ sở chuyên môn như may, thêu, chăn nuôi, trồng trọt, các nghề thủ công...; tuyên truyền phổ biến các điển hình phụ nữ làm kinh tế giỏi để những phụ nữ khác học tập kinh nghiệm...

Thứ ba, khâu thẩm định và quản lý hồ sơ người vay cần được rà soát lại và thắt chặt những quy định nhằm tránh tạo kẽ hở cho việc gian lận bên dưới. Việc rà soát danh sách hộ vay vốn cũng như khoản

vay của mỗi hộ cần được tiến hành thường xuyên bởi một tổ giám sát độc lập, bao gồm cả định kỳ và đột xuất. Cần phải chấn chỉnh hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn.

Thứ tư, phương thức cho vay ủy thác thông qua hội - đoàn thể tại địa phương cũng cần có những điều chỉnh phù hợp. Hiện nay, việc cho vay ủy thác thông qua hội - đoàn thể tại địa phương đang được đẩy mạnh vì những ưu điểm như tiết kiệm được thời gian cũng như chi phí của ngân hàng trong tất cả các khâu của quá trình cho vay. Tuy nhiên, phương thức cho vay này cũng có một số bất lợi đáng kể như làm tăng thêm trung gian giữa ngân hàng và người vay khiến thông tin truyền đạt không chính xác, khâu thẩm định hồ sơ vay ban đầu và quản lý quá trình sử dụng vốn vay được giao hoàn toàn cho tổ chức hội - đoàn thể trong khi những tổ chức này không có nghiệp vụ chuyên môn. Vì vậy, để phương thức cho vay này thực sự có hiệu quả thì phía NHCSXH cần phải đào tạo một số nghiệp vụ cơ bản cho cán bộ chuyên trách của hội - đoàn thể, hoặc cho nhân viên ngân hàng cùng thực hiện công tác cho vay với tổ chức hội - đoàn thể. Quan trọng hơn, giữa NHCSXH và các tổ chức hội - đoàn thể cần có một cơ chế kiểm tra chéo hoạt động cho vay để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả của toàn bộ chương trình■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Naila Kabeer và Trần Thị Vân Anh (2006), *Toàn cầu hóa, vấn đề giới và việc làm trong nền kinh tế chuyển đổi: Trường hợp VN - Nghiên cứu đối thoại chính sách của UNDP 2006*.
2. Micheal Todaro (1998), *Kinh tế học cho thế giới thứ ba*, NXB Giáo dục.
3. Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh (2003), *Báo cáo đánh giá nghèo có sự tham gia của cộng đồng tại TP.HCM*.
4. UNDP (2010), *Báo cáo đánh giá nghèo đô thị ở Hà Nội và TP.HCM*.